TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/LĐST
Ngày 21 - 8 - 2024
V/v tranh chấp về đòi tiền lương
và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Nguyễn Thùy Trang

2. Ông Khưu Hán Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số A Ông Í, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-LĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp về đòi tiền lương và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (theo Giấy ủy quyền ngày 02/10/2023); có đơn xin vắng mặt ngày 24/6/2024; vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần B (tên mới: Công ty CP B); địa chỉ: Tầng A, tòa nhà K, F L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trần Thị Bích T1; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà K, F L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ông Nguyễn Văn P làm việc cho Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) tại cơ sở ở địa chỉ A A đường số D, cụm C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11 năm 2022 nhưng không ký hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ông P được tuyển dụng vào vị trí làm việc là trưởng máy của công ty; mức lương theo thỏa thuận miệng và giao động từ 16 triệu đồng đến 20 triệu đồng một tháng căn cứ vào lượng công việc được giao theo từng tháng (lương theo sản phẩm); trả lương vào ngày 10 tây hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản; công ty có tham gia bảo hiểm bắt buộc cho ông P từ tháng 01/2023 đến tháng 09/2023 (hàng tháng có trừ lương để nộp bảo hiểm).

Tính đến tháng 7 năm 2023 thì mức lương hàng tháng của ông P sau khi trừ thuế thu nhập và các khoản bảo hiểm thì ông P được công ty chi trả là 19.168.115 đồng (thể hiện tại Bảng sao kê được Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh H cấp ngày 31/8/2023).

Do sau khi vào làm một thời gian thì công ty yêu cầu ông P làm công việc khác, không đúng chức năng nhiệm vụ như thỏa thuận nên tháng 8/2023 ông P thông báo xin nghỉ việc từ ngày 08/9/2023. Khi ông P nghỉ việc thì công ty lại trừ lương tháng 08/2023 của ông P với số tiền là 13.019.639 đồng và 08 ngày làm việc của tháng 09/2023 tương ứng với số tiền là 6.153.000 đồng, với lý do ông P xuất hàng lỗi. Thay vì công ty phải thanh toán tiền lương tháng 8/2023 (số tiền 19.168.115 đồng) và 8 ngày lương của tháng 9/2023 (số tiền 6.153.000 đồng) với tổng số tiền là 25.321.115 đồng thì công ty trừ các khoản tiền trên và chỉ hứa trả cho ông P số tiền là 7.201.390 đồng nhưng thực chất đến nay vẫn chưa trả số tiền này mà né tránh không thanh toán.

Về thời gian báo trước khi nghỉ việc, ông P xác định do giữa hai bên có hợp đồng lao động được thỏa thuận miệng, chưa ký kết hợp đồng lao động, ông P đã làm việc tại công ty được 07 tháng nên trước khi nghỉ việc thì ông P đã báo trước với công ty từ tháng 08/2023 về việc sẽ nghỉ việc từ ngày 08/9/2023 là đã hơn 30 ngày theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Lao động. Do đó, tại Biên bản hòa giải tranh chấp lao động tại Hội đồng hỏa giải cơ quan lao động Quận A, công ty nêu lý do ông P xin nghỉ việc đột ngột không đúng quy định, không đảm bảo thời gian bàn giao là không đúng.

Ông P đã làm đơn gửi đến Phòng L để hòa giải. Tại Phòng L, đại diện công ty cho rằng ông P xin nghỉ việc đột ngột làm thiệt hại cho công ty N chỉ đồng ý trả lương cho ông P trong trường hợp ông P bồi thường thiệt hại đã gây ra cho công ty. Tuy nhiên, công ty không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông P đã gây ra thiệt hại gì và thực tế đã xảy ra thiệt hại bao nhiêu.

Từ những lý do trên, ông Nguyễn Văn P khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn P số tiền lương chưa trả của tháng 8/2023 và 8 ngày của tháng 9/2023 là 25.321.115 đồng.

- Buộc Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) phải kết sổ Bảo hiểm xã hội và giao trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn P.

Do Công Ty Cổ Phần B Mạnh Mạnh T2 đã thay đổi tên doanh nghiệp và thay đổi người đại diện theo pháp luật nên việc yêu cầu công ty kết sổ Bảo hiểm xã hội và giao trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn P là không thể thực hiện được, hơn nữa ông P đã có việc làm khác và đã tham gia bảo hiểm xã hội ở đơn vị khác nên ông P thay đổi yêu cầu, xin rút lại yêu cầu này.

Phía nguyên đơn là ông P xác định lại yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn P số tiền lương chưa trả của tháng 8/2023 và 8 ngày của tháng 9/2023 là 25.321.115 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn do bà Trần Thị Bích T1 đại diện theo pháp luật vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết và không có ủy quyền cho người đại diện khác tham gia giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án chậm tống đạt thông báo thụ lý và chậm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lương còn nợ; đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu do nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn P khởi kiện Công ty Cổ phần B về tranh chấp đòi tiền lương chưa thanh toán và yêu cầu kết sổ, hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội; nguyên đơn có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 95 Bộ luật Lao động năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về tiền lương, hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng:

Quan hệ hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn P và Công ty Cổ phần B được xác lập từ tháng 11/2022 và chấm dứt từ ngày 08/9/2023, tại thời điểm Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 24/6/2024. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn - Công ty Cổ phần B đã đăng ký thay đổi tên mới là Công ty CP B, đăng ký địa chỉ trụ sở mới tại Tầng A, tòa nhà K, F L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Phiếu cung cấp thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H). Do đó, các văn bản tố tụng của Tòa án được tống đạt, niêm yết cho bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại trụ sở của bị đơn theo quy định tại Điều 178 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho bị đơn - Công ty Cổ phần B (tên mới là Công ty CP B). Tại ngày mở phiên tòa 23/7/2024, đương sự vắng mặt. Tòa án đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về việc xem xét các chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại các lần tiến hành phiên họp và phiên hòa giải, các bên đương sự có mặt không có ý kiến phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp; đương sự vắng mặt không có văn bản phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp nên được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn P:

5.1. Đối với yêu cầu trả tiền lương chưa thanh toán

Ông Nguyễn Văn P làm việc cho Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) tại cơ sở ở địa chỉ A A đường số D, cụm C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11 năm 2022 đến ngày 08/9/2023. Do ông P không được giao việc đúng với vị trí chuyên môn công việc được giao theo thỏa thuận nên tháng 8/2023 ông P thông báo xin nghỉ việc từ ngày 08/9/2023 nhưng Công ty không thanh toán tiền lương cho ông P bao gồm: Tiền lương tháng 8/2023 (số tiền 19.168.115 đồng) và 8 ngày lương của tháng 9/2023 (số tiền 6.153.000 đồng) với tổng số tiền là 25.321.115 đồng.

Tại biên bản hòa giải lao động lập tại Hội đồng hòa giải cơ quan lao động Quận A ngày 29/9/2023, Công Ty Cổ Phần B thừa nhận chưa thanh toán tiền lương cho ông P với lý do ông P xin nghỉ việc đột ngột làm thiệt hại cho công ty N chỉ đồng ý trả lương cho ông P trong trường hợp ông P bồi thường thiệt hại đã gây ra cho công ty. Tuy nhiên, công ty không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông P đã gây ra thiệt hại gì và thực tế đã xảy ra thiệt hại bao nhiêu; do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết ý kiến của Công Ty Cổ Phần B.

Do Công Ty Cổ Phần B Mạnh Mạnh T2 thừa nhận chưa thanh toán tiền lương cho ông P theo như đã nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) phải thanh toán tiền lương cho ông P theo như yêu cầu khởi kiện của ông P.

5.1. Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về kết sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội

Ông Nguyễn Văn P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công Ty Cổ Phần B (nay đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần B) phải kết sổ Bảo hiểm xã hội và giao trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy ông P rút một phần yêu cầu là tự nguyện; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

[6] Xét ý kiến của bị đơn – Công ty Cổ phần B:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng bao gồm: Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến việc Tòa án nhân dân Quận 11 chậm tống đạt thông báo thụ lý vụ án và chậm đưa vụ án ra xét xử là đúng.

Viện kiểm sát kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn chi trả số tiền 25.321.115 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn một trăm mười lăm đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu số tiền án phí lao động sơ thẩm là 759.633 đồng (bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 95 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc buộc Công ty Cổ phần B (tên mới: Công ty CP B) trả tiền lương của tháng 8 năm 2023 và 09 ngày lương của tháng 9 năm 2023.

Buộc Công ty Cổ phần B (tên mới: Công ty CP B) có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền là 25.321.115 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn một trăm mười lăm đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút về việc buộc Công ty Cổ phần B phải kết sổ và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn P.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần B (tên mới: Công ty CP B) phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 759.633 đồng (bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền kháng nghị:

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng